(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
97	A Xing	Hướng Hóa	Quảng Trị	
98	Hướng Lộc	»	»	
99	Pa Tầng	»	»	
100	Pa Nang	»	»	
101	A Vao	»	»	
102	Tà Rụt	»	»	
103	A Ngo	»	»	
104	A Bung	»	»	
105	Hồng Thủy	A Lưới	Thừa Thiên —	
106	Sơn Đông	»	Huế	
107	Nhâm	»	»	
108	Hồng Thượng	»	»	
109	Hồng Thái	»	»	
110	Hồng Trung	»	»	
111	Hồng Vân	»	»	
112	Hồng Bắc	»	»	
113	Hương Lâm	»	»	
114	A Đốt	»	»	
115	Hương Phong	»	»	
116	A Roàng	»	»	
117	Tiêng	Hiên	Quảng Nam —	
118	Ba Lê	»	Đà Nẵng	
119	Lăng	»	»	
120	Tr'hy	»	»	
121	Ch'om	»	»	
122	La Ê	Giàng	»	
123	La Đê	»	»	
124	Cha Val	»	»	
125	Đ'c Pre	»	»	
126	Đăk P Rinh	»	»	
127	Đăk P Lô	Đăk Lây	Gia Lai —	
128	Đăk Nhoong	»	Kon Tum	
129	Đăk Long	»	»	
130	Dục nông	»	»	
131	Đăk Sú	»	»	
132	Bờ Y	Sa Thầy	»	
133	Sa Loong	»	»	

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 436-HĐBT ngày 22-12-1990 quy định tổ chức bộ máy Trọng tài kinh tế các cấp và chế độ đối với Trọng tài viên.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh Trọng Tài kinh tế ngày 10 tháng 1 năm 1990;

Xét đề nghị của Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Để bảo đảm cho cơ quan Trọng tài kinh tế các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trọng tài kinh tế quy định ở Pháp lệnh Trọng tài kinh tế ngày 10 tháng 1 năm 1990, nay quy định tổ chức bộ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653237

máy của Trọng tài kinh tế các cấp như sau :

A — Tổ chức bộ máy của Trọng tài kinh tế Nhà nước gồm có :

1. Vụ xét xử.

2. Vụ Giám sát và xét kháng cáo.

3. Vụ pháp luật.

4. Thanh tra Trọng tài kinh tế Nhà nước.

5. Vụ Tổ chức cán bộ.

6. Văn phòng.

7. Trường cán bộ trọng tài kinh tế (làm nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ).

Các tổ chức khác do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước quyết định sau khi thỏa thuận với Ban Tổ chức — cán bộ của Chính phủ.

— Nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế của các tổ chức nói trên do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước quyết định theo tổng biên chế được Hội đồng Bộ trưởng giao.

B — Tổ chức bộ máy của Trọng tài kinh tế tỉnh do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh căn cứ vào khối lượng công việc và biên chế được giao mà quyết định thành lập các phòng hay tổ để chuyên trách các mặt công tác : giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế ; xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế ; giám sát và xét kháng cáo, tổng hợp, hành chính quản trị.

C — Tổ chức bộ máy của Trọng tài kinh tế huyện được thành lập ở những huyện, quận và cấp tương đương có sản xuất hàng hóa phát triển có nhiều tranh chấp hợp đồng kinh tế do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước sau khi thống nhất với Trưởng ban Tổ chức — cán bộ của Chính phủ, quy định cụ thể những huyện, quận và cấp tương đương được thành lập tổ chức Trọng tài kinh tế.

Điều 2. — Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trọng tài viên Trọng tài kinh tế các cấp quy định như sau :

A — Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm, Phó Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước, Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước.

B — Chủ tịch Trọng tài kinh tế tỉnh do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm sau khi thỏa thuận với Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước ; Phó Chủ tịch và các Trọng tài viên do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Trọng tài kinh tế tỉnh.

C — Chủ tịch Trọng tài kinh tế huyện do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện bổ nhiệm và miễn nhiệm sau khi thỏa thuận với Chủ tịch Trọng tài kinh tế tỉnh.

— Phó Chủ tịch và Trọng tài viên do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Trọng tài kinh tế huyện.

Nếu Trọng tài viên có sai phạm nghiêm trọng thì Chủ tịch Trọng tài kinh tế có quyền tạm thời đình chỉ công tác và đề nghị cấp đã quyết định bổ nhiệm trọng tài viên đó quyết định xử lý kỷ luật.

Điều 3. — Trọng tài kinh tế các cấp có con dấu, tài khoản và kinh phí riêng.

Điều 4. — Trọng tài kinh tế Nhà nước, Trọng tài kinh tế tỉnh được thành lập

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hội đồng Trọng tài viên gồm có Chủ tịch Trọng tài, các Phó Chủ tịch trọng tài và một số Trọng tài viên do Chủ tịch Trọng tài kinh tế chỉ định. Nhiệm vụ của Hội đồng Trọng tài viên mỗi cấp thực hiện theo điều 14 và điều 17 của Pháp lệnh Trọng tài kinh tế.

Điều 5. — Chức danh và tiêu chuẩn Trọng tài viên được quy định như sau:

A — Trọng tài viên có 3 cấp.

1. Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước.

2. Trọng tài viên — Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố, Đặc khu trực thuộc Trung ương.

3. Trọng tài viên — Trọng tài kinh tế huyện, quận và cấp tương đương.

B — Tiêu chuẩn chung của Trọng tài viên các cấp.

— Có phẩm chất chính trị, liêm khiết, công minh.

— Có kiến thức pháp lý và kiến thức quản lý kinh tế cần thiết.

— Nắm vững và vận dụng đúng đắn chính sách pháp luật của Nhà nước vào công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế và xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế.

— Có sức khỏe tốt, không có bệnh tật trở ngại đến việc thi hành nhiệm vụ.

C — Tiêu chuẩn của Trọng tài viên các cấp.

1. Tiêu chuẩn Trọng tài viên — Trọng tài kinh tế Nhà nước:

a) Tốt nghiệp đại học pháp lý trở lên được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế hoặc tốt nghiệp đại học kinh tế trở lên được bồi dưỡng kiến thức pháp lý.

b) Có trình độ tổng hợp, có khả năng vận dụng chính sách luật pháp để giải quyết đúng đắn các tranh chấp hợp đồng kinh tế và xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế.

c) Đã có 5 năm công tác trong ngành Trọng tài kinh tế (không kể thời gian tập sự). Nếu là cán bộ quản lý kinh tế ở các đơn vị kinh tế cơ sở thì phải có ít nhất 3 năm làm công tác nghiệp vụ ở Trọng tài kinh tế Nhà nước.

2. *Tiêu chuẩn Trọng tài viên — Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.*

a) Tốt nghiệp đại học pháp lý hoặc có trình độ tương đương đại học pháp lý được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế.

— Tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc có trình độ tương đương đại học kinh tế được bồi dưỡng kiến thức pháp lý.

b) Đã có 3 năm công tác trong ngành Trọng tài kinh tế (không kể thời gian tập sự). Nếu là cán bộ quản lý kinh tế ở các đơn vị kinh tế cơ sở phải có ít nhất 2 năm công tác nghiệp vụ ở ngành trọng tài kinh tế.

3. *Tiêu chuẩn Trọng tài viên — Trọng tài kinh tế huyện, quận và cấp tương đương.*

a) Tốt nghiệp trung cấp các ngành pháp lý trở lên được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế và nghiệp vụ về hợp đồng kinh tế — Trọng tài kinh tế do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận hoặc đã tốt nghiệp trung cấp kinh tế kỹ thuật trở lên được bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ hợp đồng kinh tế Trọng tài kinh tế do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Đã có 2 năm công tác trong ngành Trọng tài kinh tế (không kể thời gian tập sự); nếu đã qua công tác quản lý kinh tế ở các đơn vị kinh tế cơ sở thì phải có ít nhất 1 năm công tác nghiệp vụ ở ngành Trọng tài kinh tế.

Tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể của Trọng tài viên các cấp do Trưởng ban Tổ chức cán bộ của Chính phủ quy định, sau khi thống nhất với Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước.

Điều 6. — Trọng tài viên Trọng tài kinh tế được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác như thẩm phán Tòa án nhân dân.

Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước hướng dẫn sau khi thống nhất với Bộ Lao động — Thương binh và xã hội và và Bộ Tài chính.

Điều 7. — Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 8.— Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 437-HĐBT ngày 22-12-1990 về quy chế hoạt động nghề cá của người và phương tiện nước ngoài trong vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Tuyên bố ngày 12 tháng 5 năm 1977 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, Tuyên bố ngày 12 tháng 11 năm 1982 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam;

Căn cứ Bộ Luật hàng hải Việt Nam ngày 30-6-1990;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Với mục đích tạo thuận lợi cho việc hợp tác trong lĩnh vực nghề cá giữa Việt Nam với nước ngoài; bảo vệ và khai thác tốt nguồn lợi hải sản trong vùng biển Việt Nam, phù hợp với Luật pháp Việt Nam và quốc tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền hoàn toàn đối với các nguồn tài nguyên

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com